QUAN ĐIỂM MÁC- XÍT VỀ VAI TRÒ CỦA TRÍ TUỆ VỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Lê Thư*

Ngày nhận: 5/8/2014
Ngày nhận bản sửa: 22/9/2014
Ngày duyệt đăng: 5/10/2014

Tóm tắt

Bài viết này tập trung phân tích quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của trí tuệ với tư cách là một bộ phận của nguồn lực con người trong lực lượng sản xuất. Rõ ràng, trong nền sản xuất hiện đại, lao động trí tuệ, nguồn lực trí tuệ đang dần thay thế cho lao động chân tay và nguồn lực vật chất hữu hình, chiếm vị trí chủ đạo đối với sự phát triển kinh tế và xã hội loài người. Thực tiễn này đã và đang chứng minh tiên đoán thiên tài về một nền kinh tế hiện đại – kinh tế tri thức - của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác. Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tác giả khuyến nghị một số giải pháp có tính chất định hướng nhằm phát triển nguồn lực trí tuệ ở Việt Nam.

Từ khóa: Chủ nghĩa Mác-Lênin, kinh tế tri thức, nguồn lực trí tuệ, trí tuệ.

1. Đặt vấn đề

Nhân loại đang chứng kiến một thời kỳ dịch chuyển vĩ đại của nền kinh tế thế giới, từ kinh tế nông nghiệp và công nghiệp sang nền kinh tế tri thức, một nền kinh tế dựa vào tri thức, trí tuệ và nguồn lực trí tuệ. Trong lịch sử, do sự hạn chế của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, các hoạt động lao động trí tuệ luôn chiếm thiểu số so với lao động chân tay, tương ứng với nó là tầm quan trọng của nguồn lực trí tuệ so với nguồn lực vật chất trong sự phát triển kinh tế - xã hội cũng thấp hơn. Trong thời đại hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất là sự dịch chuyển cán cân giá trị giữa bộ phận sản xuất vật chất và phi vật chất của một quá trình sản xuất, một ngành, cũng như một nền kinh tế. Bên cạnh đó, tuy mới bắt đầu hình thành ở một số nước công nghiệp phát triển như Mỹ, Đức… nhưng ảnh hưởng của kinh tế tri thức đối với sự phát triển của kinh tế toàn cầu là không thể phủ nhận. Giờ đây, sự phát triển của mỗi quốc gia không còn là vấn đề quốc gia đó có bao nhiêu tài nguyên, bao nhiêu thuộc địa và dân số, mà là quốc gia đó có thể phát triển và huy động được bao nhiêu nguồn lực trí tuệ của mình. Bởi vậy, phát huy nguồn lực trí tuệ trong sự phát triển kinh tế - xã hội cũng là yêu cầu khách quan của sự phát triển.

Trước xu thế chung này, trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định vai trò quan trọng của việc xây dựng nguồn nhân lực trí tuệ chất lượng cao cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Do đó, với tư cách là nền tảng tư tưởng cách mạng, việc khảo cứu về mặt lý luận những quan niệm của các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác về nguồn lực trí tuệ trong bối cảnh hiện nay là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, ở Việt Nam hiện nay, các nghiên cứu thường chỉ đề cập về trí tuệ trong khi bàn về vấn đề nguồn lực con người trong chủ nghĩa Mác; chưa tiếp cận vấn đề này với tư cách là một hệ thống các quan điểm chuyên biệt. Vì vậy, trong bài viết này, tác giả bước đầu đã hệ thống hóa những tư tưởng nền tảng về vai trò của trí tuệ trong quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm xây dựng và phát triển nguồn lực trí tuệ ở Việt Nam.

2. Nội dung quan niệm

Trong lịch sử triết học phương Đông và phương Tây, vấn đề trí tuệ và vai trò của nó đã được bàn đến từ rất sớm. Điểm chung trong các quan điểm triết

học này là đều coi trí tuệ là một năng lực đặc biệt gắn với một chủ thể nhất định (con người, tinh thần thế giới, Thượng đế…) để tham gia vào giải quyết các vấn đề về nhận thức hay thực tiễn.

Theo quan niệm duy vật biện chứng, quá trình hình thành và phát triển của trí tuệ chịu ảnh hưởng của các yếu tố sinh học lẫn yếu tố xã hội. Trong đó, yếu tố sinh học là tiền đề không thể thiếu đảm bảo cho trí tuệ hình thành và phát triển một cách bình thường, liên tục, không bị gián đoạn; yếu tố xã hội tạo ra môi trường và điều kiện xã hội cho quá trình hình thành và phát triển nguồn lực trí tuệ trên cơ sở những nỗ lực hoạt động thực tiễn lớn lao của cá nhân. Do đó, có thể hiểu trí tuệ là năng lực hoạt động tinh thần của con người và là sự kết tinh của ý thức ở trình độ cao – chủ yếu là trình độ nhận thức lý tính (cao nhất là nhận thức bản chất, quy luật vận động và phát triển của sự vật).

Tuy nhiên, khác với những nhà triết học trước đó, không chỉ xem xét trí tuệ như là môt năng lực tư duy chỉ có ở con người, Mác còn xem xét trí tuệ trong mối liên hệ chặt chẽ với quá trình hoạt động thực tiễn của con người, đặc biệt là trong lao động sản xuất. Theo ý nghĩa đó, trí tuệ của con người mới thực sự trở thành nguồn lực phát triển đối với xã hội – nguồn lực trí tuệ. Điều này được thể hiện ở:

2.1. Trong quá trình hoạt động thực tiễn, trí tuệ đặt cơ sở cho nhận thức và hành động của con người

Điều này xuất phát từ đặc trưng vốn có gắn liền với tính trừu tượng trong tư duy (kể cả tư duy kinh nghiệm lẫn tư duy lý luận khoa học). Thông thường, năng lực trí tuệ của con người được chia ra làm hai cấp độ cơ bản là: trí năng và tuệ năng. Trí năng là năng lực hiểu biết, suy nghĩ, năng lực logic: biện luận, chứng minh, bác bỏ, quy nạp – diễn dịch, phân tích – tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa. Tuệ năng là năng lực sáng tạo khai phóng cái mới trên cơ sở trí năng, như năng lực siêu logic: minh triết, khai sáng, phát kiến, phát minh… Trí năng tạo lập cơ sở căn bản cho tuệ năng hoạt động. Hoạt động của tuệ năng là "trường" của sáng tạo và nó đóng vai trò điều phối, dẫn dắt, cũng như kiểm tra những sai sót có thể xảy ra trong quá trình thao tác trí năng. Đặc trưng của tuệ năng là trước một đối tượng cần nghiên cứu, khám phá, nó không bao giờ tồn tại ở trạng thái nằm yên, mà luôn vận động không ngừng, tìm cách vượt qua giới hạn cũ nhằm đưa ra những phát kiến mới ở trình độ cao hơn và mới (Nguyễn Văn Huyên, 1989).

Như thế, trong suốt quá trình nhận thức, trí tuệ giữ một vai trò quan trọng là chắt lọc, xử lý thông tin, hệ thống hóa các tri thức thu lượm được qua kinh nghiệm, qua hoạt động thực tiễn để rút ra những bài học, những quy luật, tính quy luật vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng, những phương thức hoạt động thích hợp và sử dụng những kết quả đó vào việc tiếp tục định hướng chỉ đạo cho hoạt động của mình. "Cái quan trọng chính là trí tuệ mà người ta dùng để tiếp xúc với hiện thực. Một trí tuệ vĩ đại thực hiện được những kinh nghiệm vĩ đại, và thấy được cái gì là quan trọng trong sự vận động muôn vẻ của các hiện tượng" (C. Mác, Ph. Ăngheн, 2002, tr.687). Do đó, nó đặt cơ sở cho con người có nhận thức đúng và hành động đúng.

Thêm vào đó, trí tuệ với năng lực sáng tạo còn là phương tiện căn bản nhất để tạo nên thế giới thứ hai – thế giới văn hóa của loài người. Qua đó, "con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức nữa, mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra" (C. Mác, Ph. Ăngheн, 2000a, tr.282).

2.2. Xã hội càng phát triển, trí tuệ ngày càng thể hiện rõ tầm quan trọng của nó đối với nền sản xuất xã hội

Mác đã dự báo về nền kinh tế tương lai mà ở đó trí tuệ, tri thức của con người trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. "Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến [Wissen knowledge] đã chuyển hoá đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy, những lực lượng sản xuất xã hội đã được tạo ra đến mức độ nào không những dưới hình thức tri thức, mà cả như là những cơ quan thực hành xã hội trực tiếp, những cơ quan trực tiếp của quá trình sống hiện thực" (C. Mác, Ph. Ăngheн, 2006, tr.372).

Theo C.Mác, tri thức (khoa học) đã làm cho tư bản cố định (nhà máy, máy móc, công cụ… được dùng trong sản xuất) chuyển hoá đến mức độ nhất định nào đó thì trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nói khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp không phải là khoa học đóng vai trò quyết định đến sự phát triển của lực lượng sản xuất thay thế vị trí của con người. Nhưng cũng không phải khoa học là một yếu tố đứng độc lập với các yếu tố khác của lực lượng sản xuất. Bản thân tri thức khoa học không thể tự mình trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Khoa học là sản phẩm của trí tuệ con người, cho nên thực chất đây là quá trình trí tuệ, tri thức

được vật chất hóa vào toàn bộ quá trình sản xuất. Cụ thể là:

Một là, trong nền sản xuất hiện đại, người lao động cần phải có trí tuệ và kỹ năng làm việc ở trình độ cao để đáp ứng yêu cầu của lao động kỹ thuật cao. Nếu trong nền sản xuất tự cung tự cấp, "sự trao đổi thì chủ yếu là trao đổi giữa người với tự nhiên, một sự trao đổi trong đó lao động của con người được đổi lấy sản phẩm của tự nhiên" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 1995, tr.94). Và "con người chỉ cần có một trí tuệ trung bình là đủ, hoạt động chân tay và hoạt động trí óc còn hoàn toàn chưa tách rời nhau" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 1995, tr.94). Trong khi đó, đối với nền sản xuất hàng hoá thì "sự trao đổi chủ yếu là trao đổi giữa người với người"; trong trường hợp này, "sự phân công giữa lao động trí óc và lao động chân tay phải được hoàn thành trong thực tiễn rồi" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 1995, tr.94). Như vậy, bằng việc chỉ ra sự khác biệt về lao động trong sản xuất tự cung tự cấp và sản xuất hàng hóa, Mác đã chứng minh lực lượng sản xuất càng phát triển thì lao động trí tuệ có vai trò ngày càng cao trong nền sản xuất. Do đó, với lực lượng sản xuất hiện đại thì người lao động cũng phải có trình độ và năng lực trí tuệ phát triển tương ứng. Ăngghen nói: "Chính việc người ta biến đổi tự nhiên… là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người đã phát triển song song với việc người ta học cải biến tự nhiên." (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2002, tr.720).

Hai là, trí tuệ, tri thức của con người được "thẩm thấu" ngày càng nhiều vào các yếu tố vật chất của quá trình sản xuất. Trong nền kinh tế tri thức, yếu tố chiếm phần lớn trong kết cấu giá trị một sản phẩm không phải là hao phí tài nguyên vật chất hay lao động cơ bắp mà là ở những lao động trí tuệ hao phí trong những mắt khâu khác nhau của quá trình sản xuất. Một khi tri thức, khoa học được ứng dụng, sử dụng trong sản xuất, tức là được chuyển hóa thành máy móc, công cụ sản xuất, được vật chất hóa trong đối tượng lao động thì nó trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. "Quá trình sản xuất trực tiếp ấy là sự áp dụng [các kiến thức], là môn khoa học thực nghiệm, là môn khoa học sáng tạo vật chất và được thể hiện một cách cụ thể" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2006, tr.383).

Ba là, hàm lượng trí tuệ được kết tinh trong các sản phẩm hàng hóa ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Mác chỉ ra rằng lao động phức tạp dựa trên cơ sở chuyên môn sâu có trí tuệ sẽ tạo ra nhiều giá trị hơn so với lao động giản đơn. "Sản phẩm của một giờ lao động phức tạp là một hàng hoá có giá trị cao hơn, gấp đôi hay gấp ba lần so với sản phẩm một giờ lao động giản đơn" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2002, tr.278). Thậm chí, ngày nay, bản thân tri thức cũng trở thành một loại hàng hóa.

Có thể nói, nền kinh tế tương lai mà các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác-Lênin đề cập đến có nhiều điểm chung với nền kinh tế tri thức mà nhân loại đang xây dựng và phát triển trong thế kỷ XXI này. Vậy là, thực tiễn đã và đang chứng minh dự đoán thiên tài này của C.Mác.

2.3. Giải phóng nguồn lực trí tuệ là mục tiêu và là động lực quan trọng nhất của quá trình xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa

Vấn đề giải phóng nguồn lực trí tuệ ở các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác gắn liền với việc giải phóng người lao động, với mục tiêu hướng tới xây dựng một xã hội hiện thực mà ở đó lao động không phải là một cực hình, không phải là công cụ bóc lột con người; mà phải là nguồn sống hạnh phúc, tự do thực sự. "Trong xã hội cộng sản, trong đó không ai bị hạn chế trong một phạm vi hoạt động độc chuyên, mà mỗi người đều có thể tự hoàn thiện mình trong bất kỳ lĩnh vực nào thích" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 1995, tr.47).

Khi xem xét nguồn lực trí tuệ trong hoạt động lao động sản xuất, các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác đã nhìn lại toàn bộ lịch sử phát triển của trí tuệ nhân loại, tại đây các ông đã chỉ ra rằng: so với các thời đại trước đó, chủ nghĩa tư bản ở thế kỷ XIX đã đạt được những thành tựu to lớn trong quá trình phát triển sản xuất nhờ việc ứng dụng những thành tựu của khoa học kỹ thuật, nhờ việc biết khai thác tiềm năng con người. Song, vì mục đích lợi nhuận tối đa, chủ nghĩa tư bản đã "máy móc hoá" lao động của người công nhân, trong đó lao động trí tuệ bị "tha hoá".

Trong "Tư bản", Mác hoàn toàn đồng ý với Adam Smith khi phân tích sự "tha hoá" của lao động trí tuệ của người công nhân. "Trí tuệ của phần lớn con người ta nhất định phải phát triển từ những công việc thường ngày và nhờ những công việc đó. Một người bỏ cuộc đời của mình ra để làm một số ít công việc giản đơn… thì không có cơ hội rèn rũa trí tuệ của mình… người đó nói chung sẽ trở nên đần độn và dốt nát tới cái mức mà một con người có thể bị như vậy…." (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2004, tr.525-526). Nguyên nhân của sự "tha hóa" này xuất phát từ việc: giai cấp công nhân do không sở hữu tư liệu sản xuất, mỗi người chỉ còn duy nhất quyền tự do bán sức lao động của mình, tự do tự nguyện cho nhà tư bản sở hữu trí tuệ của mình và để họ mặc sức sử dụng. Vì thế, nguồn lực trí tuệ của cá nhân cũng như nguồn lực trí tuệ của toàn xã hội không có điều kiện

để phát triển một cách đầy đủ. Rút cuộc, qua quá trình lao động tư bản chủ nghĩa, con người bị "tha hoá" cả về thể chất và tinh thần. "Công việc anh ta làm càng phức tạp thì bản thân anh ta càng trống rỗng về trí tuệ và càng bị nô lệ vào giới tự nhiên" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2000a, tr.274).

Nhưng "tai họa là ở chỗ hàng triệu người chỉ có thể kiếm được cho mình những tư liệu sinh hoạt ít ỏi bằng việc làm căng thẳng, làm cho cơ thể của họ hao mòn, làm què quặt họ về mặt đạo đức và trí tuệ, và ở chỗ họ phải coi việc có được một công việc thậm chí như thế, rất tai hại đối với họ là một hạnh phúc" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2000a, tr.100).

Trước thực trạng trên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã chỉ rõ rằng: "Giai cấp công nhân có khả năng to lớn hơn trong việc chiếm hữu những sức mạnh phổ biến của xã hội, như những sức mạnh trí tuệ của nó" (C. Mác, Ph. Ăngghen, 2000b, tr.216). Cần phải giải phóng giai cấp, giải phóng người lao động mới có thể trả lại cho nguồn lực trí tuệ của cá nhân và cộng đồng vị trí, vai trò xác thực của chúng. Lênin viết: "Trước kia, tất cả trí tuệ của loài người, tất cả thiên tài của con người sáng tạo ra chỉ là để đem lại cho một số người này toàn bộ lợi ích của kỹ thuật và văn hóa, và tước đoạt của những người khác những cái cần thiết nhất như: giáo dục và tiến bộ. Ngày nay, tất cả những cái kỳ diệu của kỹ thuật, tất cả những thành quả của văn hóa sẽ trở thành tài sản của toàn dân, và từ nay, không bao giờ trí tuệ cũng như thiên tài của loài người sẽ bị biến thành những phương tiện bạo lực, những phương tiện bóc lột nữa" (Lênin, 1978, tr.349).

3. Quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của trí tuệ trong tiến trình xây dựng và phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam

3.1. Quan điểm

Các nhà kinh điển chủ nghĩa Mác đã coi nguồn lực trí tuệ là một trong những động lực quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của xã hội hiện đại. Dẫu rằng do hoàn cảnh lịch sử và nhiệm vụ cách mạng ưu tiên bấy giờ, các ông chưa có điều kiện để nghiên cứu vấn đề này một cách cụ thể, sâu sắc hơn. Song, những tiên đoán về vai trò của trí tuệ, của tri thức khoa học trong nền sản xuất hiện đại vẫn còn ý nghĩa hết sức lớn lao. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, khi nền kinh tế tri thức đang hình thành và dần bộc lộ những đặc trưng của nó - trong đó nổi bật nhất là tri thức, trí tuệ con người tham gia vào quá trình sản xuất với tư cách là *lực lượng sản xuất trực tiếp*. Vì thế, việc phát huy vai trò của trí tuệ và nguồn lực trí tuệ phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phương thức sản xuất vật chất của quốc gia và gắn kết mật thiết với cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật, cách mạng thông tin truyền thông và một nền giáo dục tiên tiến.

Ngay từ thập niên 1990, Ngân hàng Thế giới đã đưa ra các tiêu chí để đánh giá về sự phát triển kinh tế tri thức, gọi là chỉ số Kinh tế Tri thức (KEI). Theo đó, một quốc gia muốn chuyển sang nền kinh tế tri thức cần hình thành bốn trụ cột chính: Đó là giáo dục; phát minh sáng chế; cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông; hệ thống thể chế các chính sách kinh tế. Điều này thể hiện rõ hàm lượng trí tuệ tham gia vào bốn trụ cột này ở mức độ rất cao (Hình 1).

Đặc biệt, kể từ năm 1995 trở lại đây, Ngân hàng Thế giới đã tiến hành nghiên cứu và đánh giá chỉ số Kinh tế Tri thức hàng năm theo thang điểm từ 0 – 10. Những nước có chỉ số Kinh tế Tri thức đạt trên 8 điểm coi như đã cơ bản xác lập nền Kinh tế tri thức. Năm 2012, Việt Nam có chỉ số Kinh tế Tri thức là 3,4 đứng thứ 104/145 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng về Kinh tế tri thức, tăng 9 bậc so với năm 2000; song cũng còn khoảng cách khá xa để đạt tới nền kinh tế tri thức (Ngân hàng Thế giới, 2013).

Với đặc điểm, lực lượng sản xuất thấp kém và không đồng đều, để có thể chuyển đổi nền kinh tế về phía kinh tế tri thức, chúng ta cần phải có những bước đi đúng đắn, vừa phù hợp xu hướng chung vừa phải thích hợp với điều kiện đặc thù của đất nước.

Ngay từ Đại hội lần thứ IX (năm 2001), lần đầu tiên Đảng ta xác định: "*Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất" và đề ra định hướng "từng bước phát triển kinh tế tri thức"*. Đến Đại hội lần thứ X (năm 2006), Đảng ta lại nhấn mạnh *"Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa gắn với từng bước phát triển kinh tế tri thức"*. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng có sự phát triển mới về nhận thức lý luận và thực tiễn, đề ra định hướng: *"phát triển kinh tế tri thức, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới"* và đây là một trong những chủ trương có vai trò định hướng rất quan trọng trong thời kỳ mới đến năm 2020. Điều này thể hiện sự đánh giá đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta về vị trí, vai trò của kinh tế tri thức nói chung và nguồn lực trí tuệ nói riêng trong sự phát triển xã hội.

3.2. Giải pháp

Trong khuôn khổ bài viết, dưới góc độ nhìn nhận trí tuệ với tư cách là nguồn lực quan trọng cấu thành nên lực lượng sản xuất hiện đại, tác giả xin đưa ra một số giải pháp nhằm xây dựng và phát triển nguồn lực trí tuệ ở Việt Nam như sau:

Hình 1: Chỉ số KI và KEI

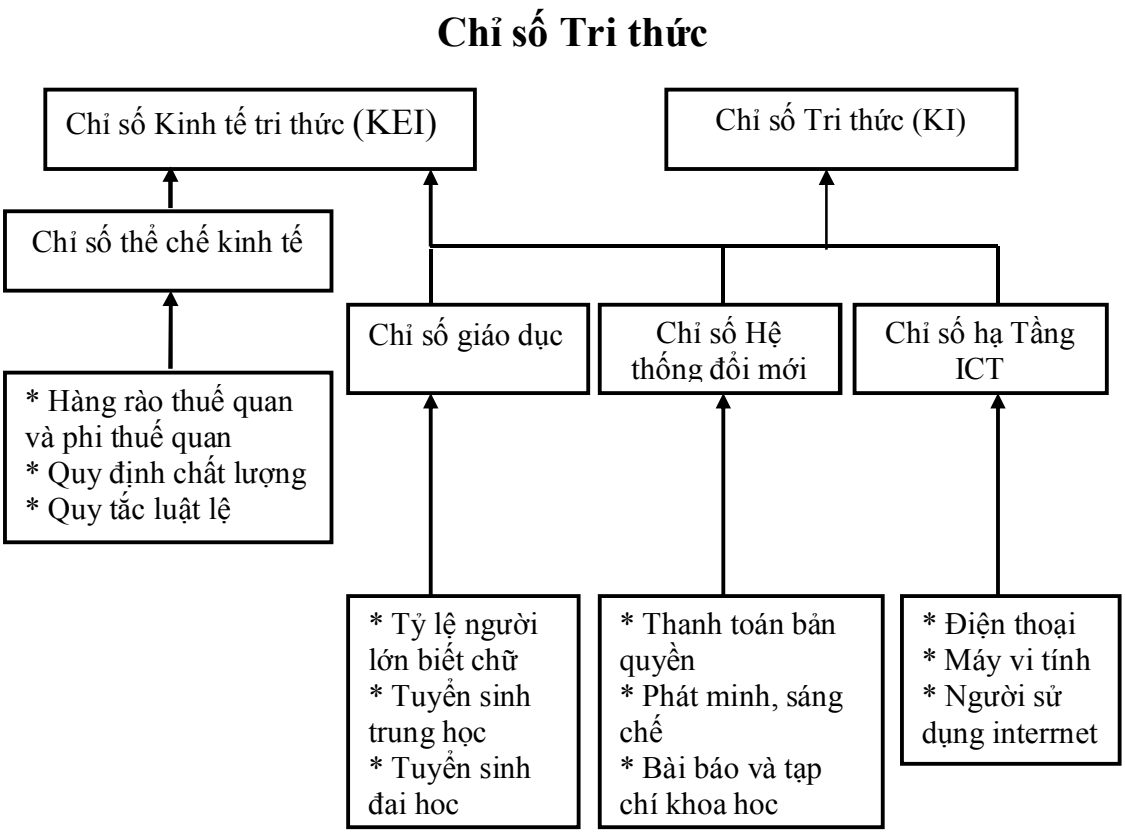

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2013)

3.2.1. Cụ thể hóa chiến lược phát triển con người, trong đó tập trung vào xây dựng nguồn lực trí tuệ

Tập trung xây dựng các đề án, kế hoạch nhằm xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, những nhà khoa học, công nghệ hàng đầu, những doanh nhân tầm cỡ và lao động lành nghề.

Xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý khoa học và công nghệ ở các cấp.

Triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo chuyên gia khoa học và công nghệ trong các định hướng, lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên.

Từ đó, có chiến lược thu hút và phát triển nhân tài, tránh tình trạng chảy máu chất xám, xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp.

3.2.2. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo

Cần chú trọng xây dựng triết lý giáo dục làm nền tảng định hướng về nội dung và phương pháp giáo dục cho các bậc đào tạo.

Nâng cao chất lượng giáo viên, trình độ chuyên môn và khoa học nghiệp vụ. Cần ban hành cách tiêu chuẩn cụ thể đối với giáo viên các cấp học, trong đó phải có những tiêu chuẩn riêng trong những lĩnh vực có tính chất đặc thù.

Tiếp tục đổi mới công tác giảng dạy một cách toàn diện với mục tiêu giáo dục phải hướng đến xây dựng năng lực lao động trí tuệ thực sự, gắn với chuyên môn sâu về lao động.

3.2.3. Cùng với giáo dục và đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học cần phải được chú trọng đầu tư phát triển hơn

Trước tiên, cần phải thay đổi tư duy về nghiên cứu và giáo dục khoa học cơ bản, trong đó có toán và khoa học tự nhiên, khoa học - kỹ thuật. Không thể đối xử với khoa học cơ bản giống như các khoa học ứng dụng khác, không thể buộc khoa học cơ bản phải tồn tại theo cách chạy theo nhu cầu của thị trường. Tiến hành nghiên cứu khoa học cơ bản sẽ tạo nền tảng khoa học lâu dài cho sự phát triển của khoa học ứng dụng. Đây là một bài học mà chúng ta đúc rút được từ kinh nghiệm thành công của các quốc gia tiên tiến trên thế giới.

Cơ sở vật chất và các trang thiết bị cho nghiên cứu khoa học phải được ưu tiên triển khai, tập trung vào một số lĩnh vực mũi nhọn của quốc gia như: công nghệ thông tin, nhất là công nghệ phần mềm; công nghệ số hoá, công nghệ năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học...

Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Khoa học và công nghệ là những sản phẩm khó xác định giá trị. Thị trường chính là một cơ chế định giá quan trọng cần phải được sử dụng. Chính vì thế, phát triển thị trường khoa học, công nghệ sẽ góp phần xác định chính xác hơn giá trị của khoa học, công nghệ, qua đó góp phần thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển.

3.2.4. Tạo ra môi trường pháp lý, chính sách hỗ trợ tạo điều kiện để phát triển khoa học - công nghệ và cho hoạt động nghiên cứu, nghiên cứu - triển khai

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ và thực hiện nghiêm túc vấn đề bản quyền. Nghiên cứu bổ sung các định chế liên quan đến sở hữu trí tuệ và xây dựng hệ thống các tòa án hành chính và dân sự về sở hữu trí tuệ.

Đổi mới phương thức và chính sách khoa học - công nghệ theo hướng giảm thiểu các thủ tục hành chính và tăng cường tính chủ động của các nhà khoa học.

Điều chỉnh chính sách tài chính theo hướng tăng cường hơn nữa việc đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt đối với đề tài có tính ứng dụng thực tiễn khoa học kỹ thuật cao.

Xây dựng cơ chế đầu tư khoa học - công nghệ nhằm tạo điều kiện tối đa cho các nhà khoa học quốc tế và nhất là nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài tham gia, từ đó có thể tận dụng được các phương tiện, điều kiện hiện đại và phương pháp nghiên cứu tiên tiến, nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ tạo ra nền tảng cơ bản và môi trường thuận lợi cho nguồn lực trí tuệ Việt Nam phát triển bền vững, hướng đến xây dựng nền kinh tế tri thức hiện đại ngang tầm quốc tế.❐

Tài liệu tham khảo

C. Mác, Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t. 3, Nxb.CTQG, Hà nội.

C. Mác, Ph. Ăngghen (2000a), *Toàn tập*, t.42, Nxb.CTQG, Hà Nội.

C. Mác, Ph. Ăngghen (2000b), *Toàn tập*, t. 44, Nxb.CTQG, Hà Nội.

C. Mác, Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, t. 20, Nxb.CTQG, Hà Nội.

C. Mác, Ph. Ăngghen (2004), *Toàn tập*, t. 23, Nxb.CTQG, Hà Nội.

C. Mác, Ph. Ăngghen (2006), *Toàn tập*, t.46 phần II, Nxb.CTQG, Hà Nội

Nguyễn Văn Huyên (1989), "Những tiền đề tâm lý – xã hội của hoạt động sáng tạo trong tình hình hiện nay ở nước ta", *Tạp chí Nghiên cứu lý luận*, số 6, 1989.

Ngân hàng thế giới (2013), Knowledge Economy Index (KEI) 2012 Ranking, truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2014 từ http://siteresources.worldbank.org/INTUNIKAM/Resources/2012.pdf

V. I. Lênin (1978), *Toàn tập*, t. 35, Nxb. Tiến bộ, Matxcơva.

The idea of Leninist Marxism on the role of intellectuality in social development in Vietnam

Abstract:

This article focuses on the Leninist Marxism thoughts on the role of intellectuality as a component of human resources in production forces. Obviously, in the modern manufacture, intellectual labor and intellectual resources are gradually replacing physical labor and material resources. As a result, they also play a key position for the economic and social development in human society. This reality has been demonstrated for the genius prediction of the Marxist founders about the knowledge economy. On this basis, the author recommends some directional solutions to develop intellectual resources in Vietnam.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Thị Lê Thư,** Thạc sỹ*

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Các hướng nghiên cứu chính: Triết học, triết học chính trị, triết học văn hóa

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: book5886@gmail.com